

# THANH CẢNH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

THANH CẢNH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT có tên Phạn là NILAKANṬHA trong đó NILA là màu xanh, KANṬHA là cái cổ. Như vậy NILAKANṬHA có nghĩa là cái cổ màu xanh nên gọi là THANH CẢNH. Một số bản truyền thừa dịch âm tên này là : Na La Giản Đà, Ni La Kiến Tha, Nễ La Cẩn Trì, Nễ La Kiến Thế, Na La Cẩn Trì, hoặc ghi nhận tên Phạn là: Nilaghace, Arya Nilaghace, Nilakanṭhi, Nalakiddhi ...

Theo truyền thống Mật Giáo thì Tôn này vì muốn dứt trừ mọi sự sợ hãi, oán nạn cho tất cả chúng sinh nên đã ăn nuốt tất cả chất độc, mọi loại bất thiện uế ác ... gom tụ ở cổ mà có cái cổ màu xanh. Do đây mới có tên là Thanh Cảnh. Truyền thống này cũng tương đồng với truyện tích thần thoại cổ xưa của Ấn Độ về ‘SIVA Thượng Đế.

Căn cứ vào Ca Lô La Vĩ Sa pháp thì Ma Hê Thủ La ( Mahe'svara ) có 3 mắt, tên cổ hiện màu xanh, toàn thân có 18 tay nên được xem là tương đồng với Tôn này.

Theo Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đa La thì Thanh Cảnh Quán Âm có vị trí trong Viện Quan Âm và là một trong 4 Vị Đa La Tôn tu trì thành tựu pháp Quán Âm đồng thời biểu thị cho công đức nội chứng của Quán Tự Tại Bồ Tát.

Theo Mật Giáo Trung Hoa, do Đức Quán Tự Tại Vương Như Lai tu hành pháp yếu LIÊN HOA ĐẠT MA ( PADMA DHARMA – Liên Hoa Pháp ) nên Đức Phật A Di Đà có biệt hiệu là THANH CẢNH.

❖ HÌNH TƯỢNG: có 3 loại là 2 tay, 4 tay, 1000 mắt 1000 tay.

- Quyển Sách Kinh 9 ghi là: Thanh Cảnh Quán Thế Âm có tay trái cầm hoa sen, tay phải dương chướng, ngồi kiết già.

- Khẩu Quyết ghi là: như Thánh Quán Âm chỉ có cái cổ màu xanh, hiện 1000 mắt 1000 tay (Do Tôn tượng này mà Thanh Cảnh Quán Âm còn được tôn xưng là Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Âm).

- Thanh Cảnh Nghi Quỹ ghi là: Màu trắng có 3 mặt. Mặt chính có dung mạo từ bi vui vẻ, bên phải là mặt sư tử, bên trái là mặt heo. Đầu đội mào báu, trong mào có Vị Hóa Vô Lượng Thọ Phật. Toàn thân có 4 tay. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây gậy, tay thứ hai cầm hoa sen. Bên trái: tay thứ nhất cầm bánh xe ( Luân ), tay thứ hai cầm vỏ ốc ( Loa ). Dừng da cọp là quần, da hươu đen làm khăn quấn khoác ở góc vai trái, dùng con rắn đen làm Thần tuyến. Ngồi trên hoa sen tám cánh. Anh lạc, vòng xuyên tỏa ánh lửa trang nghiêm thân thể và Thần tuyến từ bắp tay trái rũ xuống.

\* Tôn này có chủng tử là HRĪḤ (𑖦𑖳𑖦) hay SA (𑖦𑖳) hoặc SAḤ (𑖦𑖳𑖦)

\* Tam muội gia hình là Hoa sen xanh mới nở hoặc bánh xe.

### ❖ ẨN QUYẾT:

1) BÍ MẬT ẨN: 2 ngón út, 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa cài chéo nhau bên ngoài. Dựng 2 ngón trở chạm đầu nhau như cánh sen. Dựng 2 ngón cái song song như cây phượng (Ẩn này còn có tên là NGOẠI PHỘC THANH LIÊN ẨN).

Chân ngôn là:

OM PADME NILAKANTHI JVALA BHRÙ BHRÙ HÙM .

2) Chắp 2 tay lại giữa rộng, có 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay. 2 ngón trở đều nắm lỏng trên của 2 ngón cái. 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út hơi co đầu ngón chạm nhau. Chân ngôn như trên.

3) Hai tay kết Kim Cương Phộc. 2 ngón giữa như cây phượng. Chân ngôn là:

OM LOKE JVALA RÀJA HRÌH

4) THANH CẢNH ẨN: 2 tay cài chéo nhau bên ngoài. Rút ngón cái trái vào lòng chưởng, duỗi thẳng ngón cái phải. 2 ngón giữa làm hình cánh sen. Duỗi thẳng 2 ngón vô danh. 2 ngón út ( trái đè phải ) cùng cài chặc nhau. Chân ngôn là THANH CẢNH QUÁN Ự TẠI BỒ TÁT TÂM ĐÀ LA NI.

5) THANH CẢNH ĐẠI BI TÂM ẨN: Chắp 2 tay lại giữa rộng. Co 2 ngón trở đều móc lỏng thứ hai của ngón cái ( Đây là Loa Pháp ). Dựng hợp 2 ngón giữa ( Đây là Hoa sen). Dựng 2 ngón vô danh nghiêm tròn trịa ( Đây là Bánh xe ). Dựng hợp 2 ngón út ( Đây là cây gậy ). Nơi Một Ẩn có đủ 4 Ẩn là : Pháp Loa, Liên Hoa, Luân, Trượng vậy. Chân ngôn là THANH CẢNH ĐẠI BI TÂM CHÚ.

## ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Đại Bi Tâm Đà La Ni ( Mahà Kàrunika citta Dhàraṇi ) là bài Chú căn bản minh họa Công Đức Nội Chứng của Đức Quán Tự Tại Bồ Tát (Avalokite'svara Bodhisatva) Bài Chú này có các tên gọi là : Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Đại Bi Tâm Đà La Ni, Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni, Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni... và thường gọi tắt là Chú Đại Bi

Theo Kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni do Ngài Già Phạm Đạt Ma (Bhagavad\_Dharma ) dịch thì bài Chú Đại Bi có 9 tên gọi là :

- 1 ) Quảng Đại Viên Mãn Đà La Ni
- 2 ) Vô Ngại Đại Bi Đà La Ni
- 3 ) Cứu Khổ Đà La Ni
- 4 ) Diên Thọ Đà La Ni

- 5 ) Diệt Ác Thú Đà La Ni
- 6 ) Phá Nghiệp Chướng Đà La Ni
- 7 ) Mãn Nguyên Đà La Ni
- 8 ) Tùy Tâm Tự Tại Đà La Ni
- 9 ) Tốc Siêu Thánh Địa Đà La Ni

Nếu dựa vào Truyền Thống phổ thông thì Bài Chú Đại Bi này thường được xưng tán là Tâm Chú (Citta Mantra) của Đức Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát. Nhưng theo Truyền Thống Mật Giáo, hầu hết các bài Đà La Ni của các vị Quán Âm đều được xưng tán là Đại Bi Tâm Đà La Ni. Do vậy các Giáo Đồ Phật Giáo thường ngộ nhận bài Chú của Tôn này với Tôn khác.

Theo sự khảo cứu của chúng tôi thì bài Chú Đại Bi thường dùng chính là Tâm Chú của Đức Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát (Nilakanṭha Avalokite'svara Bodhisatva) và được lưu truyền dưới 2 dạng là bản dài với bản ngắn

1 ) Bản dài ( Quảng Bản ) được ghi nhận qua các bài : Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát Đà La Ni ( Ngài Bất Không dịch ) Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Nễ La Kiến Tha Đà La Ni (Ngài Kim Cương Trí dịch) Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni (Ngài Chỉ Không dịch ) Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Chú (Ngài Kim Cương Trí dịch)

2 ) Bản ngắn ( Lược Bản ) được ghi nhận qua các bài : Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Tự Tại Vương Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Tự Tại Thanh Cảnh Đại Bi Tâm Đà La Ni (Ngài Bất Không dịch) Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Bi Tâm Đà La Ni (Ngài Bất Không dịch) Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni (Ngài Già Phạm Đạt Ma dịch)

Do các bản Chú Văn có nhiều loại phiên dịch nên chương cú cũng dựa theo các Kinh Văn mà có sự khác biệt kể cả số lượng câu và Phạm Ngữ.

Nay với ước nguyện góp chút công sức cho sự tham cứu của Phật Tử Việt Nam, tôi cố gắng phiên dịch các kinh bản có liên quan đến bài Chú Đại Bi (Ngoại trừ kinh bản của Ngài Già Phạm Đạt Ma dịch mà Thầy THÍCH THIỀN TÂM đã dịch) và mạo muội phục hồi lại nghĩa ngữ của Quảng Bản với Lược Bản. Điều không thể tránh được là các bản dịch này vẫn còn sự khiếm khuyết, ngưỡng mong chư vị cao tăng Đại Đức, các bậc Long Tượng của Mật Giáo hãy rũ lòng Từ Bi chỉ bảo và sửa chữa giúp cho các bản dịch được hoàn chỉnh hơn.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (Nguyễn Vũ Nhan) Thân Mẫu (Vũ Thị Ni) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con xin kính dâng các Công Đức có được lên Thầy **Pháp Quang** ,Thầy **Thích Quảng Trí** , Sư Cô **Như Hạnh** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ, thúc đẩy con nghiên cứu các Pháp Tu Mật Giáo cho chính đúng.

Tôi xin chân thành cảm tạ anh **Nguyễn Đình Tạc** , chị **Nguyễn Thị Mộng Hương** , cháu **Nguyễn Thị Mộng Trâm** đã thường xuyên hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch Kinh Điển.

Tôi xin chân thành cảm ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi sự khó khăn trong cuộc sống để giúp cho tôi an tâm trên con đường tìm hiểu Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà

Nguyện xin Tam Bảo, các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực gia trì cho chúng con , các bậc ân nhân của chúng con và tất cả chúng Hữu Tình mau chóng tránh được mọi sai lầm trên bước đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát và mau chóng cùng đạt được Quả Vị Giải Thoát.

Cuối mùa Thu năm Bính Tuất (2006)  
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

